

Số: 498 /QĐ-ĐHNLBG-NNTH

Bắc Giang, ngày 24 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thi và cấp chứng nhận năng lực ngoại ngữ nội bộ
(dành cho sinh viên)**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG

Căn cứ Quyết định số 4663/QĐ-BNN-TCCB ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang; Quyết định số 1805/QĐ-BNN-TCCB ngày 11/11/2016 về sửa đổi các khoản 3,4,5 Điều 3 Quyết định số 4663/QĐ-BNN-TCCB ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang;

Căn cứ Hướng dẫn số 780/HD-ĐHNLBG ngày 09 tháng 8 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang về việc thực hiện quy định về chuẩn đầu ra Ngoại ngữ, Tin học đối với sinh viên hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 474/ĐT-ĐHNLBG-ĐT ngày 04/8/2020 Ban hành Chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học đối với các ngành đào tạo bậc đại học chính quy của trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 84/QĐ-ĐHNLBG ngày 01/02/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang về việc ban hành Quy định chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc đối với sinh viên hệ đại học chính quy ngành Ngôn ngữ Trung Quốc;

Căn cứ nội dung biên bản họp ngày 20/5/2024 của Hội đồng xét kết quả kỳ thi đánh giá năng lực ngữ theo chuẩn đầu ra (dành cho sinh viên), đợt thi ngày 11/5/2024;

Theo đề nghị của chủ tịch Hội đồng thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo chuẩn đầu ra (dành cho sinh viên), đợt thi ngày 11/5/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thi và công nhận danh sách 76 thí sinh đạt yêu cầu, được cấp chứng nhận năng lực ngoại ngữ nội bộ của Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang. Trong đó;

- + Chứng nhận tiếng Anh tương đương bậc 3 (B1): gồm 66 thí sinh.
- + Chứng nhận tiếng Trung Quốc tương đương bậc 5 (HSK 5): gồm 10 thí sinh.
(Có danh sách thí sinh kèm theo)

Điều 2. Trường các đơn vị trực thuộc có liên quan và thí sinh có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- BGH (b/c);
- CT HĐT (b/c);
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, ĐT, NNTH.



GS. TS. Phạm Bảo Dương

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT YÊU CẦU VÀ ĐƯỢC CẤP CHỨNG NHẬN NĂNG LỰC TIẾNG ANH NỘI BỘ TƯƠNG ĐƯƠNG
BẮC 3 (B1) CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG**

(Ban hành kèm theo QĐ số **498/QĐ-ĐHNLBG-NNTH** ngày **24** tháng **5** năm 2024
của Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang)

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	Điểm thi				Điểm trung bình	Kết quả
									Đọc	Viết	Nghe	Nói		
1	TA01	Đỗ Phương	Anh	19/09/2004	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ12A	22D0093NTQ	143	146	140	130	140	B1
2	TA02	Dương Đức Tùng	Anh	29/09/2004	Bắc Giang	Nam	D-NNTQ12B	22D0116NTQ	160	152	140	133	146	B1
3	TA03	Nghiêm Thị Quỳnh	Anh	21/08/2004	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ12B	23D0172NTQ	157	152	137	144	148	B1
4	TA04	Nguyễn Tiến	Anh	20/04/2003	Thái Bình	Nam	D-THUY11A	21D0627THY	157	140	140	140	144	B1
5	TA05	Nguyễn Tuấn	Anh	14/05/2004	Bắc Giang	Nam	D-NNTQ12A	22D0094NTQ	153	142	144	120	140	B1
6	TA06	Nguyễn Văn Hoàng	Anh	02/09/2004	Bắc Giang	Nam	D-NNTQ12B	22D0117NTQ	153	154	144	153	151	B1
7	TA07	Vì Lan	Anh	15/08/2004	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ12A	22D0095NTQ	160	142	137	123	141	B1
8	TA08	Nguyễn Thị Thanh	Bình	24/01/2004	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ12B	22D0118NTQ	157	142	140	130	142	B1
9	TA09	Nguyễn Thị	Cải	12/12/2004	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ12B	22D0119NTQ	157	142	140	120	140	B1
10	TA10	Đỗ Thị Kim	Chi	25/12/2004	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ12C	22D0148NTQ	140	144	144	130	140	B1
11	TA11	Vũ Đức	Chung	27/05/2004	Bắc Giang	Nam	D-NNTQ12A	22D0096NTQ	140	148	140	140	142	B1
12	TA12	Lưu Thành	Công	08/09/2004	Lạng Sơn	Nam	D-NNTQ12C	22D0149NTQ	150	150	144	120	141	B1
13	TA13	Tạ Thị Ánh	Dịu	11/09/2004	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ12A	22D0097NTQ	153	146	144	130	143	B1
14	TA15	Bùi Thị	Hà	26/06/2004	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ12B	22D0121NTQ	147	152	148	140	147	B1

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	Điểm thi				Điểm trung bình	Kết quả
									Đọc	Viết	Nghe	Nói		
15	TA16	Lê Nguyễn Hoàng	Hà	15/08/2004	Hà Nam	Nam	D-NNTQ12B	22D0120NTQ	163	148	144	127	146	B1
16	TA17	Thân Thị Thu	Hà	08/04/2004	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ12C	22D0150NTQ	153	150	140	123	142	B1
17	TA18	Vũ Thị Ngọc	Hà	16/10/2004	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ12C	22D0151NTQ	150	150	131	149	145	B1
18	TA20	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	10/03/2004	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ12A	22D0122NTQ	150	150	152	147	150	B1
19	TA21	Vi Thị	Hằng	27/06/2003	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ12C	22D0152NTQ	160	152	152	151	154	B1
20	TA22	Nguyễn Thị	Hậu	24/03/2004	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ12C	22D0153NTQ	167	152	144	149	153	B1
21	TA23	Nguyễn Thị Thu	Hiền	10/03/2004	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ12A	22D0123NTQ	147	144	148	151	147	B1
22	TA24	Nguyễn Văn	Hiệp	20/01/2002	Bắc Giang	Nam	D-NNTQ 10A	20D0010NTQ	160	120	165	116	140	B1
23	TA25	Đỗ Thị	Hoa	15/03/2004	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ12B	22D0124NTQ	157	154	148	153	153	B1
24	TA27	Nguyễn Thị	Hồng	20/10/2003	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ12A	22D0100NTQ	153	148	129	133	141	B1
25	TA28	Nguyễn Thị Kim	Huệ	16/01/2004	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ12C	22D0154NTQ	150	144	137	140	143	B1
26	TA29	Đỗ Thanh	Huyền	18/05/2004	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ12C	22D0158NTQ	150	146	137	153	147	B1
27	TA30	Lương Thu	Huyền	31/07/2001	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ12A	22D0104NTQ	147	148	131	144	143	B1
28	TA31	Nguyễn Thị Mai	Huyền	26/08/2004	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ12C	22D0157NTQ	136	152	129	142	140	B1
29	TA32	Nguyễn Thị Thu	Huyền	25/10/2003	Vĩnh Phúc	Nữ	D-NNTQ12A	22D0103NTQ	143	142	131	142	140	B1
30	TA33	Tạ Thanh	Huyền	03/02/2004	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ12B	22D0129NTQ	138	148	131	144	140	B1
31	TA34	Trần Ngọc	Huyền	12/10/2004	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ12C	22D0156NTQ	153	148	137	120	140	B1
32	TA35	Đỗ Thị Thu	Hương	28/03/2004	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ12B	22D0127NTQ	150	152	131	127	140	B1

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	Điểm thi				Điểm trung bình	Kết quả
									Đọc	Viết	Nghe	Nói		
33	TA36	Hoàng Thị	Hương	13/09/2004	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ12A	22D0101NTQ	150	148	140	149	147	B1
34	TA37	Thị Thị	Hương	17/06/2004	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ12B	22D0126NTQ	150	154	137	153	149	B1
35	TA38	Nguyễn Thúy	Hường	26/04/2004	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ12C	22D0155NTQ	143	154	140	153	148	B1
36	TA39	Nguyễn Thị	Lan	19/06/2004	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ12C	22D0159NTQ	147	142	137	147	143	B1
37	TA40	Thân Ngọc	Lan	24/04/2004	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ12C	22D0160NTQ	157	148	134	137	144	B1
38	TA41	Tổng Thị Ngọc	Lan	12/12/2004	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ12B	22D0130NTQ	153	146	134	142	144	B1
39	TA42	Nguyễn Văn	Lập	24/10/2004	Bắc Giang	Nam	D-NNTQ12A	22D0105NTQ	147	150	137	127	140	B1
40	TA43	Chu Thị Tú	Linh	28/04/2004	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ12B	22D0134NTQ	147	120	140	153	140	B1
41	TA44	Nguyễn Thị	Linh	16/01/2004	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ12C	22D0132NTQ	163	158	148	151	155	B1
42	TA45	Trần Khánh	Linh	02/09/2004	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ12A	22D0106NTQ	138	144	140	137	140	B1
43	TA46	Trần Thùy	Linh	12/10/2004	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ12B	22D0131NTQ	140	148	134	142	141	B1
44	TA47	Nguyễn Mai	Loan	23/11/2004	Tuyên Quang	Nữ	D-NNTQ12C	22D0161NTQ	150	148	137	153	147	B1
45	TA49	Nguyễn Thị	Lương	06/10/2004	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ12B	22D0135NTQ	140	150	129	140	140	B1
46	TA50	Lương Ngọc	Mai	09/08/2004	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ12C	22D0163NTQ	157	150	140	151	149	B1
47	TA51	Thân Thị Tuyết	Mai	15/10/2004	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ12C	22D0162NTQ	150	144	126	144	141	B1
48	TA52	Đặng Thị	Mến	10/02/2004	Thái Nguyên	Nữ	D-NNTQ12A	22D0109NTQ	143	148	137	130	140	B1
49	TA55	Hoàng Thị	Quyên	25/05/2004	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ12A	22D0110NTQ	150	148	140	133	143	B1

9/1

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	Điểm thi				Điểm trung bình	Kết quả
								Đọc	Viết	Nghe	Nói		
50	TA56	Trần Thị Quỳnh	12/08/2004	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ12B	22D0138NTQ	150	142	137	137	141	B1
51	TA57	Hoàng Thanh Thảo	12/05/2004	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ12C	22D0165NTQ	153	138	137	133	140	B1
52	TA58	La Thị Thảo	05/08/2004	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ12C	22D0167NTQ	143	142	137	142	141	B1
53	TA59	Tạ Thị Phương Thảo	09/05/2004	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ12B	22D0139NTQ	150	150	140	144	146	B1
54	TA60	Thân Thị Phương Thảo	30/09/2004	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ12C	22D0168NTQ	150	146	134	149	145	B1
55	TA61	Hoàng Thị Thơ	15/02/2004	Lạng Sơn	Nữ	D-NNTQ12A	22D0111INTQ	147	146	134	142	142	B1
56	TA62	Hoàng Thị Thu	19/07/2004	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ12B	22D0140NTQ	150	142	134	140	142	B1
57	TA63	Thân Thị Phương Thùy	04/12/2004	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ12B	22D0141INTQ	150	148	137	123	140	B1
58	TA64	La Thanh Thương	05/11/2004	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ12C	22D0169NTQ	150	146	137	133	142	B1
59	TA65	Ma Đức Tôn	28/06/2004	Lạng Sơn	Nam	D-NNTQ12C	22D0170NTQ	143	152	137	127	140	B1
60	TA69	Ngô Quang Triệu	27/08/2004	Hải Phòng	Nam	D-NNTQ12A	22D0112NTQ	138	144	129	149	140	B1
61	TA70	Ngô Văn Tú	16/12/2004	Bắc Ninh	Nam	D-NNTQ12A	22D0113NTQ	150	146	129	137	140	B1
62	TA71	Nguyễn Đình Tùng	21/04/2004	Lạng Sơn	Nam	D-NNTQ12B	22D0145NTQ	147	140	134	144	141	B1
63	TA72	Thân Văn Tùng	24/12/2004	Bắc Giang	Nam	D-NNTQ12C	22D0171INTQ	150	140	134	144	142	B1
64	TA73	Lê Thị Kim Tuyết	11/01/2004	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ12A	22D0115NTQ	160	140	137	123	140	B1
65	TA74	Tạ Thị Xuân	11/12/2004	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ12B	22D0146NTQ	150	148	137	140	144	B1
66	TA75	Nguyễn Thị Hải Yến	23/02/2004	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ12A	22D0116NTQ	157	144	137	142	145	B1

Danh sách trên gồm 66 thí sinh./.



**DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT YÊU CẦU VÀ ĐƯỢC CẤP CHỨNG NHẬN NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG QUỐC NỘI BỘ
TƯƠNG ĐƯƠNG BẮC 5 (HSK 5) CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG**

(Ban hành kèm theo QĐ số **418**/QĐ-ĐHNLBG-NNTH ngày **24** tháng **5** năm 2024
của Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang)



TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	Điểm thi				Điểm trung bình	Kết quả
									Đọc	Viết	Nghe	Nói		
1	TQ03	Nguyễn Thị	Hà	08/02/2002	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ 10A	20D0005NTQ	62	60	60	65	247	HSK 5
2	TQ04	Nguyễn Thị Thanh	Hà	17/12/2002	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ 10A	20D0006NTQ	78	80	87	74	318	HSK 5
3	TQ05	Thân Ngọc	Hải	30/09/2001	Bắc Giang	Nam	D-NNTQ 10A	20D0007NTQ	62	66	62	72	262	HSK 5
4	TQ06	Giáp Thị	Hạnh	20/03/2002	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ 10A	20D0009NTQ	60	60	80	60	260	HSK 5
5	TQ10	Nguyễn Thị	Hồng	08/02/2002	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ 10A	20D0013NTQ	73	60	67	66	266	HSK 5
6	TQ13	Hồ Bích	Ngọc	13/12/2002	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ 10A	20D0021NTQ	69	70	60	75	274	HSK 5
7	TQ14	Thân Thị	Nhị	09/08/2001	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ 10A	20D0022NTQ	62	65	71	60	258	HSK 5
8	TQ15	Tăng Thị	Phương	19/05/2002	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ 10A	20D0024NTQ	60	60	62	70	252	HSK 5
9	TQ17	Nguyễn Phương	Thảo	04/11/2002	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ 10A	20D0027NTQ	82	65	60	75	282	HSK 5
10	TQ19	Nguyễn Thị	Thu	20/11/2002	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ 10A	20D0029NTQ	69	65	62	85	281	HSK 5

Danh sách trên gồm 10 thí sinh./.